

SỰ KHỦNG HOẢNG TÀI NGUYÊN VÀ SINH THÁI

Chỉ vài chục năm trước đây, ở các làng nông thôn Nam bộ tuy rằng công nghiệp không phát triển như bây giờ nhưng đời sống của dân chúng vẫn khá được thoải mái nhờ ở nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, với đồng ruộng cò bay thẳng cánh, vườn tược sum sê, trên sông rạch thì tôm cá ngập diu; nói chung thức ăn và củ chum nông phải tốn tiền mua, khách ở xa đến đâu cũng sẵn sàng có "mồi" ngon để ăn.

Trong cuốn *Bảy ngày ở Đồng Hấp Mười*, ông Nguyễn Hiến Lê có tả: *Hồi ấy dân cư nhà nhà lắm. Phát vài ngày đất ở sau nhà, sạ một vài gạ lúa là đủ ăn suốt năm. Cá nhiều tới nỗi nín cầm một cây đinh ba nhỏ đi đâm ôi lúc về cũng được một xâu cá; đàn bà gỏi rùa chên, thấy cá lồi ngang, thường cầm dao chém được những con cá lóc lớn đang bấp chuối... Muốn đổi thức ăn, ra đồng bắt cò, bắt trích, và lượm rùa. Rau thì có bông súng mọc khắp nơi. Củ thì tre, sậy và tràm lứt..., vấn đề ăn uống, đi lửa, khô phải giải quyết" (1)*

Tình hình ngày nay đã hoàn toàn khác, và điều đó diễn ra trên khắp miền tỉnh, do dân số gia tăng, do môi trường sinh thái khủng hoảng và tình trạng đánh bắt bừa bãi, cùng nhiều thứ khác nữa... Nhà ngữ loại học Liên Xô nổi tiếng là Giáo sư I.F. Pravdin đã viết: *Người ta rất hăng hái đánh bắt cá nhưng chẳng hề nghĩ gì đến ngày mai. Mọi giờ có lẽ chẳng ở đâu bạn còn có thể nhìn thấy, đọc hay nghe ai đó kể về một vùng có nhiều chim muông cầm thú, cá hoa lá, lúc nào cũng rộn ràng tiếng im kêu, cá nhảy. Trước đây, những câu chuyện như thế thường gặp trong nhiều trang sách" (2)*

Việc đánh cá bằng thuốc nổ đã

tiêu diệt hoàn toàn cả cá lớn lẫn cá con. Phần lớn trứng và cá con bị chết do dòng nước thải từ các xí nghiệp hóa chất, xí nghiệp hóa dầu, nhà máy giấy cellulose...; nó cũng tiêu diệt các sinh vật trong nước như tảo, giáp xác và nhuyễn thể là những thức ăn của cá (3).

Các đại dương thường được coi là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên vô tận, hiện đang mất đi hết loài vật này đến loài vật khác. Những thống kê gần đây của FAO cho thấy tổng lượng cá khai thác được trên thế giới bị giảm sút nghiêm trọng (bắt đầu từ 1969) mặc dù các phương tiện đánh bắt ngày càng tiến bộ và tăng mạnh. Kỹ nghệ săn cá voi đã chứng minh cái kết quả tối hậu của mưu toan phát triển mãi mãi trong một môi sinh hạn chế. "Những người đánh cá voi đã đạt từ giới hạn này sang giới hạn khác một cách có hệ thống và cố gắng vượt qua mỗi giới hạn đó bằng cách tăng thêm sức mạnh và kỹ thuật. Hậu quả và sách lược phát triển mãi mãi này chỉ có thể là sự tiêu diệt của cá ngư phủ" (4)

Dân số mỗi lúc một gia tăng và nhu cầu khai thác ngày càng tăng của con người đã làm cho nguồn tài nguyên không thể tái tạo được của địa cầu cạn kiệt đến mức báo động. Diện tích rừng trên thế giới bị thu hẹp dần đã ảnh hưởng nặng nề đến sự sống của các loài động, thực vật, và một số loài đã bị diệt chủng. Một số loại tài nguyên khoáng sản không có khả năng tái tạo như than đá, dầu lửa, hơi thiên nhiên, sắt, đồng... với đà khai thác như hiện tại cũng sẽ cạn kiệt trong vòng đôi ba trăm năm nữa. Tình trạng thiếu nước đang là một mối nguy cơ đe dọa loài người.

Nguy hiểm không kém là tình trạng ô nhiễm môi trường (hay còn gọi

là sự thoái hóa của môi trường) đã và đang diễn ra tới mức khốc liệt làm kinh hoàng cả loài người, vốn là hậu quả trực tiếp của tiến bộ khoa học kỹ thuật dẫn đến quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng tăng mạnh ở tất cả các nước trên thế giới (không khí và nước bị ô nhiễm vì khói xăng dầu và các chất hóa học; nạn rác, các chất trừ sâu bọ, phóng xạ nguyên tử và tiếng động...). Hội nghị quốc tế về môi trường (còn gọi là Hội nghị thượng đỉnh Trái đất) họp tại Rio de Janeiro (Brazil) tháng 6 năm 1992 vừa rồi với sự hiện diện của nhiều vị nguyên thủ quốc gia đã cảnh báo loài người về hiện trạng môi trường bị tàn phá do những trận mưa acid gây ra bởi chất SO₂ và NO₂ thải ra không khí từ các nhà máy và xe cộ; tầng Ozone trong khí quyển bị mỏng đi để cho tia cực tím của mặt trời lọt vào gây tác hại đến sự sống của sinh vật, do việc sử dụng nhiều chất khí Chlorofluorocarbon (CFC) trong các bình xịt thuốc xịt tóc, khử mùi hôi, trừ ruồi muỗi hoặc dùng trong kỹ nghệ lạnh; hiện tượng "hiệu ứng nhà kính" do khí CO₂ gây ra làm cho bầu khí quyển nóng lên (như hiện tượng ánh nắng mặt trời chiếu vào nhà kính), có nguy cơ làm phát sinh nạn hạn hán và cạn kiệt nguồn nước, đồng thời làm tan băng ở Bắc cực và Nam cực khiến cho mực nước biển tăng dần.

Cùng với tình trạng ô nhiễm môi trường là sự phá vỡ thế quân bình trong hệ thống sinh giới (ecosystème) hay còn gọi là sự mất cân bằng sinh thái, do sự can thiệp thô bạo của loài người vào hệ thống, đặc biệt là bằng những phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại.

NHỮNG GIỚI HẠN CỦA KHOA HỌC-KỸ THUẬT

Rõ ràng những tình trạng hủy

CĂN BẢN TRIẾT LÝ CỦA VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TRẦN KHUYẾT NGHI

Bất hủ viễn lự, tác hữu cận ưu
(Luận ngữ)



hoại môi sinh như đã kể trên luôn luôn gắn liền với những bước phát triển về kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Nhiều người tin rằng khoa học như một lưỡi dao bén, có mặt trái của nó, và cái gọi là “phát triển” hiện nay như Ivan Alice quan niệm, thực chất chỉ là một sự phá hoại trái đất, phá hoại môi trường, hậu quả cuối cùng là phá hoại con người trên tất cả các mặt (5). Một loại văn chương mới, loại ám tưởng, đã xuất hiện để báo động về tương lai u ám nếu người ta cứ đuổi theo những khuynh hướng như hiện nay, tiêu biểu là quyển *Brave New World* (1932) của Aldous Huxley, và 1984 (1949) của George Orwell. Những phim ám tưởng như *Metropolis* (1926) và *Modern Time* (1936) mô tả cảnh nhân loại chịu sự áp chế của chính trị và kỹ thuật.

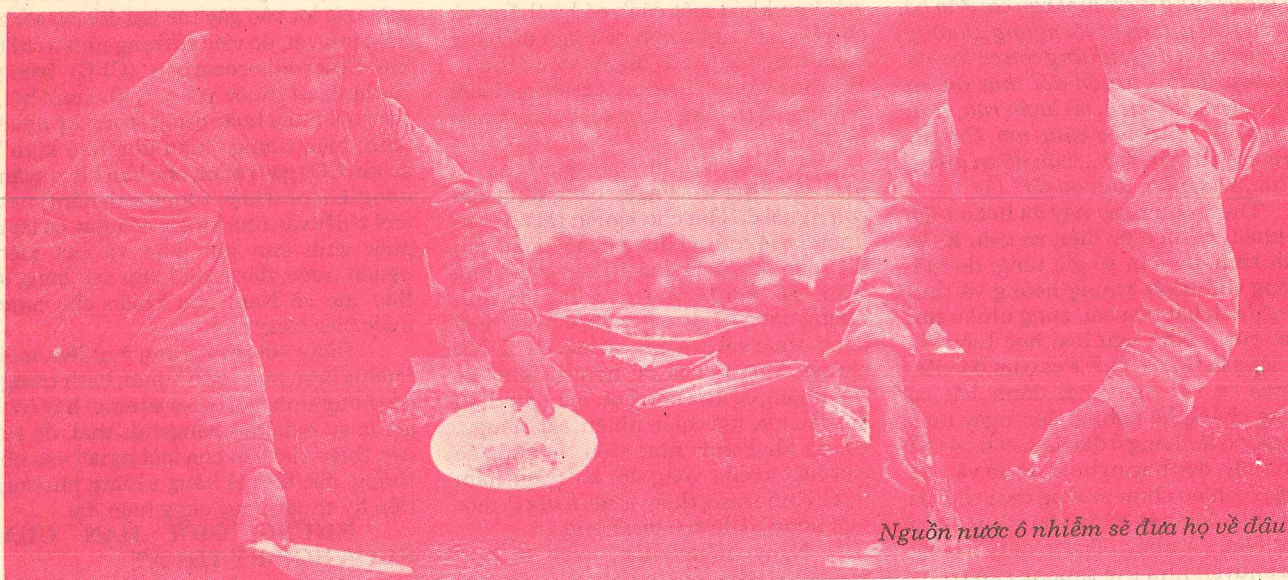
Thật ra, từ hơn trăm năm trước, trong quyển sách nổi tiếng *Biện chứng của tự nhiên* (1873-1876), Friedrich En-

gels đã tạo ra nguồn gốc sinh ra những mối tai họa hiện nay trong những nước đó, vì rằng khi phá rừng, họ đã hủy hoại cả những trung tâm chứa nước và giữ nước. Những người miền núi ở Ý, khi phá hoại các đám rừng tùng trên sườn phía Nam dãy An-pơ, trong lúc những đám rừng như thế được bảo vệ một cách rất chu đáo bên sườn núi phía Bắc, thì họ không nghĩ rằng, làm như vậy là đã phá hoại việc chăn nuôi trên núi cao trong nước; và họ lại càng không nghĩ rằng như thế là họ đã làm cho các suối nước trên núi bị khô cạn một phần lớn thời gian trong năm, và đến mùa mưa thì nước lũ của các khe suối đó lại tuôn xuống càng dữ dội hơn nữa, làm ngập cả đồng bằng... Những sự việc đó nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà

XVIII, lúc bấy giờ, không hề nghĩ rằng làm như thế là họ đã tạo ra một công có tác dụng hơn bất cứ công cụ nào khi để cách mạng hóa những quan hệ xã hội trên toàn thế giới, nhất là ở châu Âu bằng cách tập trung của cải vào tay thiểu số và đẩy dọa tuyệt đại đa vào cảnh bần cùng...” (7)

Một triết gia người Scotland Thomas Reid, cho rằng con người có tương tự như loài ong, chẳng biết như mục đích cuối cùng về hành động của mình. Con người thường được dẫn dắt bởi những xúc cảm và những ước vọng đồng nhất thời.

Nhu cầu sinh hoạt đã thúc đẩy con người phải áp dụng những khám phá của khoa học - kỹ thuật để cải thiện đời sống mình, nhưng bên cạnh sự thiện đó, con người cũng rành rề trông thấy những mối tai họa kèm theo đó ập xuống đầu mình, biểu hiện bằng tình trạng ô nhiễm môi sinh ảnh hưởng



Nguồn nước ô nhiễm sẽ đưa họ về đâu?

gels (1820-1895) đã từng phát biểu rất rõ về khả năng hạn chế của khoa học đối với việc chinh phục giới tự nhiên, kèm theo những thí dụ về hủy hoại môi trường. Đoạn phát biểu này quan trọng, khiến chúng ta không ngần ngại chép lại để tham khảo, dù có hơi dài:

“Chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó. Ở Mê-dô-pô-ta-mi, ở Hy Lạp, ở Tiểu Á và ở các nơi khác, khi người ta phá rừng để có đất cày cấy, thì không mấy khi họ nghĩ rằng như thế là

trái lại bản thân chúng ta, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên biểu hiện ở chỗ là chúng ta có ưu thế hơn tất cả các sinh vật khác, nghĩa là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác...” (6)

Loài người thường ít nghĩ tới những hậu quả xa xôi do những việc mình làm. Ban đầu, các phát minh thường là một sự ngẫu nhiên tình cờ hay chỉ để giải quyết cho một nhu cầu trước mắt. Engels nêu thí dụ, cũng ở đoạn văn trên: “Khi Cơ-ri-stốp Cô-lông tìm ra châu Mỹ, thì ông ta cũng không biết rằng như thế là ông ta làm sống lại chế độ nô lệ mà châu Âu đã chôn vùi từ lâu, và đặt cơ sở cho việc buôn bán người da đen. Những người đã có công sáng chế ra máy hơi nước hồi thế kỷ XVII và

đến sức khỏe, sự chết chóc vì tranh giành với những vũ khí hiện đại, sống căng thẳng, bận rộn ở các thị trấn làm mất quân bình thân kinh nhân nhả và hạnh phúc.

Mà sự phát triển của khoa học kỹ thuật và kinh tế thì không thể nhiên muốn ngừng là được, giống như một người đã “lỡ leo lên lưng cọp” (“phóng lao phải theo lao”), nếu ngọt giảm nhu cầu như chủ trương các nhà hiền triết xưa thì nhà máy ngừng sản xuất, thợ phải nghỉ, sinh nạn thất nghiệp và bao nhiêu thứ tệ khác nữa. Thành thử loài người phải tiếp tục chạy theo sự phát triển mỗi phát minh tặng cho ta một sự ích thì lại gây ra một số tai họa mà phải dùng những phát minh khác để trừ khử chúng. Mức sống và sự sống càng cao thì lại càng đem tới mệt mỏi và bệnh hoạn. Chính bệnh xuất hiện vào cuối thiên niên kỷ thứ

là hậu quả của cuộc sống quá trớn và xét cho cùng là xuất phát từ sự thay đổi các quan niệm được thúc đẩy bởi các tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và đời sống kinh tế phát triển của thời kỳ hậu công nghiệp. Trong bài diễn văn khai mạc Hội nghị Luân Đôn, Nữ hoàng Anh đã nói một cách hình tượng: "Sida là một trái banh mà nhân loại đã tự đá vào chính khung thành của mình" (8). Đó hẳn chẳng là cái lý "họa phúc tương trợ", hay "lạc cực sinh bi" mà chúng ta thường nghe nói như những lời nhắc nhở của các nhà hiền triết thời xưa song sách vở?

Sự tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật, đồng thời với phát triển kinh tế và nhịp sống, đã xô đẩy con người vào một cơn lốc mật mù khiến con người đôi khi cảm thấy như mình sắp lâm vào một ngõ cụt, đồng thời tới lúc đó mới kịp nhận ra rằng thiên nhiên là một bộ máy toàn hảo chứa đựng trong lòng nó hằng hà sa số những yếu tố có sự liên lạc hỗ tương, vận hành theo một số quy luật bất di bất dịch, mà nếu con người không tham chiếu trong khi hành động, sẽ bị nó "trả thù" một cách nghiệt ngã như đã từng được thấy.

VŨ TRỤ THIÊN NHIÊN LÀ MỘT HỆ THỐNG TOÀN HẢO

Vào thời cổ Hi Lạp, danh từ *khosusis* (tương đương với *cosmos*) được dùng để ám chỉ một tiềm lực sinh hóa tiềm ẩn sẵn trong vạn vật, cũng có nghĩa là tất cả vạn vật, được mô tả: "Trời và đất, cây cối và động vật, tất cả những gì tồn tại lập nhau, và cả con người nữa, cùng trong lòng thiên nhiên" (9)

Cũng tương tự như vậy, các triết gia phương Đông quan niệm vũ trụ bao gồm cả vạn hữu và con người, vận động theo những luật tắc hiển nhiên, không có gì nào ngừng nghỉ: "Trời nói gì đâu? Bốn mùa qua lại, trăm vật nảy sinh" (Thiên hà ngôn tai? Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên - *Luận ngữ*)

Theo người Trung Hoa, vũ trụ thiên nhiên là một bộ máy toàn hảo luôn vận động tuần hoàn (biến dịch) theo luật âm dương; đó là hai yếu tố cân bằng, vừa tương phản nhưng cũng vừa tương hợp, tương sinh, tương thành, nối thúc, xô đẩy nhau để tạo nên thiên nhiên vạn trạng, trong cuộc biến hóa bất tận của thế giới sinh vật lẫn vô cơ (Âm dương tương thời nhi sinh biến hóa - *Dịch*: Hệ từ)

Âm dương bao trùm cả không gian như hướng nam, hướng bắc, thời gian như đêm ngày, thời tiết (bốn mùa, nóng lạnh, mưa nắng) và hàm chứa trong tất cả những vật hữu hình hay sự vật vô hình: giống đực giống cái, ông đặc, thịnh suy, thăng giáng, xấu tốt... Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, nghĩa là hiện tượng nào cũng chứa sẵn mầm tự hủy của nó. Một vật sinh ra là bắt đầu đi lần tới sự tan rã, và

khi tan rã thì mở đầu cho một cái gì mới khác đang sinh, trong một dòng biến dịch không ngừng. Cái nhà Nho gọi là Dịch hóa thì nhà Phật gọi là Vô thường (sinh, trụ, dị, diệt, hoặc: thành, trụ, hoại, không), không có gì còn mãi hoặc mất luôn, mà đắp đổi, bổ túc cho nhau. Điều này phù hợp với định luật bảo toàn khối lượng chất, mà theo cách phát biểu của M.V. Lomonôxốp (1711-1765) thì: "Tất cả những biến đổi diễn ra trong tự nhiên đều có đặc điểm là một vật thể mất đi bao nhiêu lượng chất thì lại có bấy nhiêu lượng chất kết hợp vào một vật thể khác. Định luật tự nhiên phổ biến này cũng áp dụng được cho cả những quy luật chuyển động" (10)

Loại suy theo hướng này và dựa vào thực nghiệm, chúng ta nhận thấy rằng, khi loài người chế tạo ra một sản phẩm hay tiện nghi để phục vụ cho đời sống mình, họ đã làm mất đi của thiên nhiên một cái gì đó, nhưng không làm mất hẳn, mà chuyển hóa nó sang những dạng khác, phần không sử dụng được đối với con người (như bụi, hơi độc...) được khuếch tán ra trong cùng khắp hành tinh, ảnh hưởng đến những sự vật khác, qua một chu trình biến hóa không ngừng, theo kiểu "nước đi ra biển lại mưa về nguồn" (Tân Đà)

Quan niệm Dịch học của Trung Hoa còn cho rằng biến hóa chỉ là sự tiến lui của hai yếu tố Âm, Dương mà thôi; biến hóa là hình tượng của tiến

thoái (Biến hóa giả, tiến thoái chi tượng dã - *Dịch*, Hệ từ thượng). Việc đời hết cát (tốt) rồi lại hung (xấu), và ngược lại; cũng như hết thịnh rồi lại suy, đầy thì sẽ vơi, thiếu thì sẽ được bù thêm (Mãn chiếu tồn, khiêm thụ ích); họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ ẩn náu của họa (Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục)

Cũng theo quan niệm Dịch học, một vật gì đạt tới trạng thái toàn thịnh (hay cùng cực) thì phải quay trở lại (Vật cực tắc phản - *Lão tử*). Đó là luật phản phục. Sách *Lão tử* còn nói thêm: "Phù vật vạn vật, các qui kỳ căn" (Vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên của chúng). Kinh *Dịch* cũng nói: "Dịch cùng tắc biến, biến tắc thông" (Sự biến dịch của mọi vật đi tới chỗ cùng thì phải biến, có biến thì mới thông - *Dịch*, Hệ từ hạ); "Không có gì bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại" (Vô hình bất pha, vô vãng bất phục - *Dịch*, Hào từ quẻ Thái)

Để diễn tả lẽ biến dịch, người ta phải viết nhiều cuốn sách, ở đây chỉ tóm lược vài ý chính để thấy rằng sự biến hóa theo vòng thịnh, suy là một quy luật phổ biến, và điều đó có vẻ ứng hợp với lịch sử: Từ cực thịnh qua suy vi rồi đi tới diệt vong; từ diệt vong lại phát sinh để tiến triển đến chỗ cực thịnh. Ông Hermann de Keyserling đã viết trong quyển *La Révolution Mondiale* rằng: "Mỗi một vận động đều tự nhiên gây ra một





phản động (contre mouvement), vì thế mà cấp tiến sinh ra bảo thủ, hiền dịu sinh ra thô bạo, thiện sinh ra ác và ngược lại... Trong giới tự nhiên là như thế, mà trong lịch sử loài người cũng vậy” (11)

Tin tưởng vào luật “phản phục” có vẻ là nguồn gốc của chủ nghĩa bảo thủ theo tinh thần phương Đông, trái với tinh thần phương Tây cho rằng vũ trụ, xã hội tiến lên mãi theo vòng tròn ốc (mà Lê-Nin là một đại biểu xuất sắc). Nhưng đời sống ở các cường quốc Âu Mỹ đã tiến tới thời cực thịnh mà không sao giải quyết nổi những chuyện đau khổ nhiều nhường, cuộc sống vật chất có cải thiện mà đời sống tinh thần thì càng thảng, bế tắc, khiến cho nhiều người muốn được sống trở lại cuộc đời giản dị, gần gũi với thiên nhiên như thời kỳ nông nghiệp.

Nói cho cùng, mãi đến nay nhân loại cũng chưa ai chứng minh đầy đủ để phủ nhận cái diệu đề thứ nhất của đạo Phật: Đời là khổ. Điều đó cho thấy giải pháp của vấn đề con người còn nằm ở nhiều chỗ khác, chứ không thể đơn thuần giải quyết được bằng con đường tiến bộ của khoa học - kỹ thuật.

THẾ QUÂN BÌNH TRONG THIÊN NHIÊN HAY LÀ SỰ CÂN BẰNG SINH THÁI

Thế giới tự nhiên là một kết cấu toàn hảo trong đó mọi yếu tố lớn nhỏ khắp nơi đều có mối liên thuộc chặt chẽ, hoạt động nhịp nhàng, và tác động, ảnh hưởng lẫn nhau: “Bây giờ mình phát ra một tiếng thì những làn sóng âm thanh sẽ lan đi khắp thế giới, và nếu ngón tay mình chạm vào cái bàn này thì tất cả những phần tử trong vũ trụ cũng bị kích động” (12). Bằng lương thức và sự nhạy cảm của một nhà văn, bà Luise Rinser đã nghĩ như vậy khi nói về sự liên thuộc giữa con người và giữa tất cả các yếu tố (hữu sinh cũng như vô sinh)

của thế giới, để khuyên con người mỗi khi định thực thi một hành động gì đều phải có ý thức chú ý đến tất cả những cái chung quanh, gần hoặc xa.

Thật vậy, thế giới tự nhiên (gồm cả con người trong đó) là một kết cấu hoàn hảo mà mỗi phần tử đều đóng một vai trò riêng, góp phần vào sự nghiệp vĩ đại của tạo hóa. Các phần tử đó là “xấu” hay “tốt” chỉ là do quan niệm của con người, nhưng chúng đều vận động trong một thế quân bình tuyệt diệu. Y học phương Đông nhờ thấu hiểu lẽ đó mà từ mấy ngàn năm về trước đã biết trị bệnh cho con người, bằng cách dùng các loại cây, con ... có trong thiên nhiên để lập lại thế cân bằng cho người bệnh.

Một con vật tưởng là đơn giản và có hại đến đâu, thực chất cũng có đem lại một điều bổ ích, như con trùn (giun) chẳng hạn, có tác dụng làm cho đất trở nên màu mỡ, và người ta thấy nó cũng hiện diện trong một vài toa thuốc của các thầy thuốc Đông y. Jean Henri Fabre (1923-1915) trong cuốn *Hồi ký về côn trùng học* (*Souvenirs Entomologiques*) đã mô tả đời sống rất đáng phục của con bọ hung; ai cũng ghét nó là đơ bẩn, nhưng chính nó đã âm thầm làm cái việc tẩy uế, “đổ thùng” cho nhân loại từ cả triệu năm nay, giúp cho bầu không khí được dễ thở hơn.

Các ngư phủ Nhật Bản tìm cách diệt loài rái cá vì cho rằng chúng xâm phạm đến nguồn cá của mình; nhưng khi rái cá bị diệt rồi thì nguồn cá lại còn ít hơn, sau mới vỡ lẽ vì loài rái cá chỉ chuyên ăn toàn những con cá bệnh!

Hãy xem cây cỏ, loài dế và chim sáo. Nếu ta bắn chết nhiều chim sáo thì loài dế có nhiều cơ hội sống hơn, chúng sẽ tàn diệt cây cỏ nhiều hơn rồi đến lượt chúng cũng sẽ chết vì cây cỏ trụi hết không còn gì để mà ăn nữa. Ba loài đó hợp thành một hệ thống sinh giới nhỏ;

nếu có một bộ phận bị thay đổi thì toàn hệ thống cũng thay đổi theo và có bị tiêu diệt. Các nhà bác học nhận ra rằng hệ thống càng phức tạp thì càng dễ giữ được thế quân bình.

Darwin quan sát kỹ lưỡng thế giới sinh vật và nhận thấy rằng có nhiều loài phải chết để nuôi sống loài khác. Trong quyển *Nguồn gốc các loài*, ông viết: “Ông đặt nhiều ít ở một miền nào phần lớn tùy thuộc ở số chuột đói thường hay phá phách bánh mỳ và ông... Số chuột, ai cũng biết, tùy thuộc phần lớn ở số mèo... Do đó, người ta có thể tin được rằng, ở một miền nào đó mèo quyết định sự hiện diện của một chủng loại hoa, qua sự trung gian của loài chuột và loài ong” (13)

Loài người cũng có cách lập lại thế quân bình cho mình bằng những can thiệp của tự nhiên. Will và Ariel Durant tác giả của bộ *Lịch sử văn minh* rất nổi tiếng đã đưa nhận xét: “Nếu loài người trở nên đông quá không kiểm đủ thì ăn thì tạo hóa có ba cách để lập lại thế quân bình: nạn đói, bệnh dịch và chiến tranh” (14). Những nhận xét kiểu Darwin và Durant thường bị nhiều người mắng mỏ vì nó ác nghiệt quá, có kẻ cứ dựa theo đó để biện hộ cho chiến tranh nhưng có lẽ chúng ta cũng không nên phản đối, miễn còn tin rằng bằng sự cố gắng của ý thức, con người có thể vượt qua những giới hạn nguyên thủy của mình để tránh được những hiểm họa.

Thế quân bình biểu hiện rất rõ trong thế giới vạn hữu mà các nhà khoa học ngày nay gọi là sự cân bằng sinh thái. Bằng khoa học - kỹ thuật, con người can thiệp vào thế giới tự nhiên phục vụ cho lợi ích mình, nhưng nếu không chú ý mà làm phá vỡ thế cân bằng ấy thì tất những cái hại tiếp theo sẽ được sinh ra. Ở phần trên, chúng ta đã nhắc tới vài thí dụ do Engels nêu.

Việc dùng thuốc trừ sâu giúp làm tăng năng suất các loại cây trồng nhưng đồng thời cũng giết chết nhiều loại động vật và vi khuẩn cần thiết cho sự màu mỡ của đất. Thuốc kháng sinh trị được các bệnh viêm nhiễm nhưng cũng giết chết những vi khuẩn hữu ích cho sự tiêu hóa, gây nên các chứng rối loạn đường ruột. Việc đốn rừng làm cho một loài thú phải chết, gây nên tình trạng mạc hóa và mất nước ở một số vùng, tạo điều kiện cho nước mưa làm cuốn trôi những lớp mỏng màu mỡ trên mặt đất.

CÓ LỢI THOÁT NÀO KHÔNG?

Như trên chúng ta đã chứng minh: Một cái lợi tất phải có một cái hại kèm theo; vạn vật tuần hoàn biến đổi theo luật cân bằng và một số luật khác của khoa học - kỹ thuật tiến bộ vượt lên nhưng đồng thời cũng làm mất thế cân bằng ấy và gây nên những hậu quả khủng khiếp.

Sau Huxley và Orwell, những

vấn bị coi là “ám tử”, một số nhà khoa học như Paul và Anne Ehrlich, tác giả của quyển *Population, Resources, Environment* (W.H.Freeman xuất bản năm 1970) và nhóm Câu lạc bộ La Mã trong quyển *The Limits to Growth* (New York, 1972) đã nêu lên những lời cảnh báo đầu tiên về tình trạng tài nguyên bị dần dần cạn kiệt và không khí ô nhiễm nặng. Nếu cái đà này không kịp hãm lại thì con người sẽ không tránh khỏi những thảm họa vào cuối thế kỷ XX.

Trước tình trạng này, có hai quan điểm chính được đưa ra:

- *Quan điểm thứ nhất* cho rằng phải hãm tốc độ phát triển lại, như Ivan Alice đã chủ trương, bằng cách ngăn ngừa và hủy bỏ những kỹ thuật có hại cho cuộc sống và đòi trả con người về với thiên nhiên hoang sơ như trước kia.

- *Quan điểm thứ hai* cho rằng mặt tiêu cực của khoa học - kỹ thuật gây ra là không đáng kể, và tình trạng khủng hoảng sinh thái có thể được chữa trị cũng chính bằng khoa học - kỹ thuật (15)

Về quan điểm thứ nhất, chúng ta thấy có vẻ thiếu thực tế, vì không thể “tắt” ngang khoa học - kỹ thuật lại được. Và lại, ý chí khám phá và chinh phục cũng không phải là cái gì trái tự nhiên của loài người. Biết rằng mình có thể bị trừng phạt thật đấy, nhưng không vì vậy mà người ta không hành động, hi vọng theo xu hướng tự nhiên của mình. Đợi mà “phì lý” như có người đã nói cũng là do những lẽ đó.

Theo cách thứ hai, dùng khoa học - kỹ thuật để “điều chỉnh lại thế giới”, hay “tái xây dựng lại trật tự thế giới mới”, có nhiều mặt tích cực nhưng cũng dễ rơi vào cái vòng lẩn quẩn, và còn liên quan đến những yếu tố khác về chính trị và xã hội nữa.

Muốn trừ nạn ô nhiễm trên toàn cầu, quần chúng khắp nơi phải nhận ra mối ác hại của tình trạng, nghĩa là phải có kiến thức, học vấn, và lối sống mới; muốn vậy thì phải phát triển kinh tế mà kinh tế muốn phát triển thì không thể không mở nhiều nhà máy, dùng nhiều xe cộ và chất hóa học, cứ như vậy tiếp tục làm cho môi trường bị ô nhiễm nhiều hơn.

Chúng ta còn có thể nêu thêm nhiều loại vòng lẩn quẩn khác nữa. Tại Hội nghị về Môi trường ở Rio de Janeiro tháng 6 vừa rồi đã diễn ra cuộc tranh luận gay gắt giữa các nước có trình độ khác nhau: các nước giàu không muốn ký kết các hiệp ước có nguy cơ làm giảm mức sống hiện nay của họ; trong khi các nước nghèo cho rằng không có lý do gì họ phải giảm tốc độ phát triển, bởi 80% tình trạng ô nhiễm hiện nay là do các nước giàu gây ra.

Tựu trung, vấn đề là phải có một sự nhận thức sâu sắc mang tính chất

toàn cầu vì mỗi hiểm họa sẽ không thiên vị một ai. Bên cạnh sự phát triển khoa học và kinh tế còn phải nghĩ tới yếu tố “phát triển cân bằng” trên phạm vi toàn cầu, và điều đó nhất thiết phải liên quan đến những vấn đề thuộc về lối sống và hoạt động xã hội, cùng với những tiến trình chính trị phù hợp: “Chúng ta nào một xã hội nhận ra rằng không thể nào tối đa hóa tất cả mọi thứ cho tất cả mọi người, thì nó phải bắt đầu lựa chọn... Thêm người hay thêm của, thêm khoảng đất hoang vu hay thêm xe hơi, thêm thực phẩm cho kẻ nghèo hay thêm dịch vụ cho người giàu?” (16). Bao lâu mà những khu vực nghèo đói trên thế giới vẫn còn thì những mầm mống bất ổn định trên phạm vi toàn cầu vẫn tiếp tục tồn tại. Vấn nạn đó vạch ra cho loài người một trách nhiệm chung cao cả và cũng là lý do khiến cho một thứ CNXH chân chính và nhân bản đích



thực (mà con người vẫn tiếp tục nỗ lực tìm kiếm) vẫn còn giữ được vẻ quyền rũ của nó.

Will Durant đưa ra nhận định dựa vào thực tế lịch sử: “Khi một đoàn thể, một nền văn minh suy tàn, không phải là vì đời sống vật chất của nó có những giới hạn bị mất mà vì các nhà chỉ huy chính trị hoặc tinh thần không biết thích ứng với hoàn cảnh mới” (17)

Liệu sự trung thực của loài người khi nhận dạng thông suốt vấn đề có thể cải biến được các hệ thống kinh tế và xã hội, kiểm soát được sự ô nhiễm, khai thác được các nguồn năng lượng mới, làm giảm hoặc đẩy lùi được sự gia tăng dân số, để thoát khỏi những giới hạn của trái đất hay không?

Đó là một sự thách thức tập thể chưa có lời giải đáp chắc chắn. Nhiều cách nhìn bị quan lại nổi lên và cái bóng ma của ngày tận thế được nhắc đi nhắc lại khi chúng ta càng tiến tới gần thiên niên kỷ thứ ba, nhưng cũng có nhiều tín hiệu mới tỏ ra rất đáng lạc quan. Việc chấm dứt chiến tranh lạnh đã đưa sự chú ý của thế giới sang vấn đề

môi trường, thể hiện bằng sự nhất trí mang tính toàn cầu rằng loài người phải cùng nhau góp sức để cứu vãn nạn ô nhiễm và những tình trạng mất cân bằng khác đang diễn ra trong thế giới sinh vật cũng như trong xã hội loài người. Khoa Kinh tế - sinh thái học (eco-economics) được thành lập gần đây chứng tỏ con người đã ý thức sâu sắc mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển kinh tế với yêu cầu bảo vệ môi trường sống.

Sự phục hồi của những niềm tin thuộc về tâm linh ngoài khoa học đang là một xu hướng diễn ra trên cùng khắp thế giới (18), chứng tỏ rằng loài người cũng đang có xu hướng tái lập sự quân bình để làm tốt đẹp hơn cuộc sống của mình và của những người láng giềng.

Tất cả đều tùy thuộc nơi sự lựa chọn của con người và tùy thuộc cách con người định nghĩa về mình như thế nào. Chúng ta không mù quáng chống đối tiến bộ nhưng chống đối sự tiến bộ mù quáng “trên cơ sở hiểu rõ được những hậu quả xa xôi của hoạt động sản xuất của chúng ta, và do đó có được khả năng chi phối và điều tiết những hậu quả đó” (Engels, tài liệu đã dẫn)

Cái gọi là đặt lại vấn đề văn minh Đông Tây hay “trở về nguồn”, trở về với lối sống thiên nhiên (“Thuận thiên giả tồn”) như nhiều người từng đề cập (từ thời Leibnitz, Voltaire, Goethe, Henry David Thoreau đã có) phải được cân nhắc trên những bình diện rộng rãi ấy.

TKN.

(1) NXB. Long An, 1989, tr.114

(2) (3) *Kể chuyện về cuộc sống của cá*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, tr.173

(4) *Giới hạn phát triển* - Phúc trình cho Dự án nghiên cứu của Câu lạc bộ La Mã về nguy cơ của nhân loại, Hiện đại thư xã, 1974, tr.145.

(5) *Triết học tư sản phương Tây hôm nay*, NXB. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1986, tr.tr.142-143.

(6) (7) NXB. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.168-169

(8) Xem Ngô Văn Quý, *Sida, đừng chết vì không hiểu biết*. NXB. Sông Bé, 1989, tr.100

(9) Dẫn theo Trần Thái Đình, *Triết học nhập môn*, Tủ sách Ra khơi, Sài Gòn, tr.182

(10) *Từ điển bách khoa Nhà hóa học trẻ tuổi*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.91

(11) Dẫn theo Nguyễn Duy Cần, *Lão tử tinh hoa*, NXB. Thành phố HCM, tr.132

(12) *Chấp nhận cuộc đời* (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê), NXB Trẻ, 1989, tr.41

(13) Dẫn theo *Những tác phẩm biến đổi thế giới*, (bản dịch của Hoài Châu và Từ Huệ), Văn Đàn, 1968, tr.337

(14) Will Durant, *Bài học của lịch sử* (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê), Lá Bối, Sài Gòn, 1973, tr.26

(15) Về hai quan điểm này, có thể xem *Triết học tư sản phương Tây hôm nay*, sdd.

(16) *Giới hạn phát triển*, sdd., tr.177-178

(17) *Bài học của lịch sử*, sdd., tr.152

(18) John Naisbitt & Patricia Aburdence, *Magatrends 2000*, NY, 1990. (*Những xu thế lớn của năm 2000* - bản dịch sắp xuất bản)..